

Công văn

Tiền Giang, ngày 02 tháng 11 năm 2017

V/v: Giải trình KQKD hợp nhất Quý 4/2017

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, áp dụng tại Mục 4, Mục 5, Điều 11:

"4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

d) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

5. Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn có công ty con, công ty liên kết hoặc có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cả cơ sở báo cáo tài chính của bản thân công ty đó và báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp. ..."

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2017 của Công ty Cổ phần Hùng Vương:

Công ty Cổ phần Hùng Vương (mã CK: HVG) có giải trình như sau:

Chỉ tiêu	Quý 4/2017	Quý 4/2016	Chênh lệch	%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.634.634.771.971	3.156.912.882.615	477.721.889.356	15%
2. Các khoản giảm trừ	46.660.326.292	27.994.512.975	18.665.813.317	67%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.587.974.445.679	3.128.918.369.640	459.056.076.039	15%
4. Giá vốn hàng bán	3.259.415.493.988	2.758.785.859.677	500.629.634.311	18%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	328.558.951.691	370.132.509.963	(41.573.558.272)	-11%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	8.383.893.576	10.075.655.521	(1.691.761.945)	-17%
7. Chi phí tài chính	135.489.116.164	146.547.642.568	(11.058.526.404)	-8%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>127.105.606.397</i>	<i>124.178.659.756</i>	<i>2.926.946.641</i>	<i>2%</i>
8. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	378.652.296	(49.080.924.845)	49.459.577.141	-101%
9. Chi phí bán hàng	124.362.149.329	151.210.708.254	(26.848.558.925)	-18%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	51.320.342.373	111.869.811.808	(60.549.469.435)	-54%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	26.149.889.697	(78.500.921.991)	104.650.811.688	-133%
12. Thu nhập khác	6.810.187.377	2.580.984.967	4.229.202.410	164%
13. Chi phí khác	2.528.246.898	(194.665.317)	2.722.912.215	-1399%
14. Lợi nhuận khác	4.281.940.479	2.775.650.284	1.506.290.195	54%

Chi tiêu	Quý 4/2017	Quý 4/2016	Chênh lệch	%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.431.830.176	(75.725.271.707)	106.157.101.883	-140%
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.631.116.615	11.900.272.303	(7.269.155.688)	-61%
17. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(7.827.553.206)	12.533.390.388	(20.360.943.594)	-162%
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.628.266.767	(100.158.934.398)	133.787.201.165	-134%
Trong đó:				
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	5.847.259.065	(112.529.275.002)	118.376.534.067	105%
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	27.781.007.702	12.370.340.604	15.410.667.098	125%
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	(522)	548	-105%
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	26	(522)	548	-105%

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 15%, tương ứng 477.721.889.356 đồng chủ yếu do hoạt động xuất khẩu thủy sản phục hồi trong quý 4, tăng cả về lượng và giá, đặc biệt ở 2 thị trường Mỹ và Trung Quốc
2. Giá vốn hàng bán tăng 18%, tương ứng 500.629.634.311, do sự thiếu hụt nguyên liệu đầu vào đẩy giá mua tăng mạnh, giá thành chế biến từ đó tăng theo.
3. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 15%, tương ứng 1.691.761.945 đồng, chủ yếu là khoản lãi tiền gửi ngân hàng.
4. Chi phí tài chính giảm 8%, tương ứng 11.058.526.404 đồng, chủ yếu do giảm khoản lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh
5. Chi phí bán hàng giảm 18%, tương ứng 26.848.558.925 đồng, chủ yếu là do giảm bớt được chi phí cước tàu, chi phí vận chuyển nội địa.
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 54%, tương ứng 60.549.469.435 đồng, chủ yếu là do giảm chi phí dự phòng phải thu khó đòi.
7. Các chỉ tiêu khác ảnh hưởng không đáng kể.

Trên đây là giải trình cho các chênh lệch trọng yếu của Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2017 so với quý 4 năm 2016 của Công ty Cổ phần Hùng Vương.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TCKT, VP



DƯƠNG NGỌC MINH